

Khu Đề xuất BTTN Mù Cang Chải

Tên khác:

Chế Tạo

Tỉnh:

Yên Bái

Diện tích:

20.293 ha

Toa độ:

21°38' - 21°48'N, 103°55' - 104°09'E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Đông Bắc

Có quyết định của chính phủ:

Không

Đã thành lập Ban Quản lý:

Không

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Có

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

A, B

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Mù Cang Chải không có trong bất kỳ quyết định nào của Chính phủ liên quan đến hệ thống rừng đặc dụng Quốc gia (Bộ NN&PTNT, 1997, Cục Kiểm lâm, 2003). Tuy nhiên, năm 2002, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái với sự hỗ trợ FFI - Chương trình Đông Dương và Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường thuộc Viện ĐTQHR đã xây dựng kế hoạch đầu tư cho một khu bảo tồn loài/sinh cảnh (đây là phân hạng của khu bảo tồn thiên nhiên) với diện tích là 20.293 ha tại khu vực (FRES, 2002b). Kế hoạch đầu tư này đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt ngày 29/04/2003 theo Quyết định số 985/BNN-KH. Mù Cang Chải là khu bảo vệ đầu tiên tại Việt Nam được Bộ NN&PTNT ủy thác, giao trách nhiệm cho cộng đồng địa phương và Cục Kiểm lâm phối hợp quản lý tại khu vực vùng đệm (S. Swan *in litt.* 2004). Tuy nhiên, đến nay Ban quản lý vẫn chưa được thành lập, khu vực hiện thuộc sự quản lý của Hạt kiểm lâm huyện Mù Cang Chải.

Địa hình và thủy văn

Khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Mù Cang Chải nằm phía nam huyện Mù Cang Chải. Địa hình của khu đề xuất bảo vệ đặc trưng bởi các sườn núi hình lưng ngựa gồm số lượng lớn các đỉnh núi cao hơn 2.000 m. Phần phía nam của các đỉnh núi này tạo nên ranh giới giữa tỉnh Yên Bái và Sơn La. Độ cao thấp nhất tại khu

đề xuất bảo vệ nằm phía tây nam nơi có nhiều thung lũng thấp hơn 500 m.

Đa dạng sinh học

Mặc dù chỉ có diện tích nhỏ rừng tự nhiên còn tồn tại ở các đai thấp do tình trạng phá rừng lấy đất canh tác, khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Mù Cang Chải vẫn còn diện tích đáng kể rừng thường xanh trên núi thấp và núi cao. Các sinh cảnh này được đặc trưng bởi sự có mặt của loài Pơ-mu. Hiện nay, một diện tích rừng đáng kể đã và đang bị tàn phá bởi tình trạng khai thác gỗ, tuy nhiên nhiều khu vực thung lũng, núi cao có địa thế hiểm trở không thể tiếp cận vẫn tồn tại các mảnh rừng nguyên sơ chưa hề có các dấu hiệu tác động của con người (Tordoff *et al.* 2001).

Khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Mù Cang Chải ghi nhận một số loài thú hiện đang bị đe dọa trên toàn cầu trong đó có thể có quần thể lớn nhất loài Vượn đen *Hylobates concolor* tại Việt Nam (Long *et al.* 2000). Khu vực này cũng đã có ghi nhận chính thức về sự có mặt của loài Voọc xám *Trachypitecus phayrei* (Tordoff *et al.* 2001). Ngoài ra, khu đề xuất bảo vệ cũng là nơi có tầm quan trọng trong công tác bảo vệ các loài chim. Mù Cang Chải ghi nhận một số loài chim có vùng phân bố hẹp và một trong hai quần thể loài chim sẽ bị đe dọa trên toàn cầu Niệc cổ hung *Aceros nipalensis* đã được biết tại Việt Nam (Tordoff *et al.* 2001). Cùng với khu vực rừng liền sát tại huyện Mường La, tỉnh Sơn La, khu đề xuất bảo tồn thiên

nhiên Mù Cang Chải đã được công nhận là một trong 63 vùng chim quan trọng của tại Việt Nam (Tordoff *et al.* 2001).

Các vấn đề bảo tồn

Trước đây săn bắt là mối đe dọa chính đối với quần thể các loài có giá trị bảo tồn tại khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên. Tuy nhiên, mức độ săn bắt, đặc biệt đối với loài Vượn đen và Niệc cổ hung đã giảm nhiều kể từ khi bắt đầu triển khai dự án bảo tồn trên cơ sở cộng đồng tại khu vực. Hơn thế, Hạt Kiểm lâm huyện Mù Cang Chải đã thực hiện chương trình thu hồi súng trong phạm vi huyện trong năm 2003, kết quả đã thu được 2.618 khẩu súng các loại. Số lượng này tương ứng với việc số lượng súng tại khu vực đã giảm hơn 90%, tuy nhiên, tác động của chiến dịch kiểm soát súng săn cần phải được đánh giá, xem xét kỹ lưỡng. Các loại bẫy sắt và bẫy dây vẫn rất phổ biến và việc kiểm soát súng có thể tạo ra các hình thức chuyển đổi làm tăng tình trạng săn bắt bằng các hình thức bẫy bắt bừa bãi khác (S. Swan *in litt.* 2004).

Các mối đe dọa nghiêm trọng khác đối với đa dạng sinh học bao gồm việc phá rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ chọn, cháy rừng và phát triển cơ sở hạ tầng. Trong số các mối đe dọa này có lẽ việc xây dựng cơ sở hạ tầng đang là vấn đề cấp bách nhất, hiện nay một tuyến đường bao quanh khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên đã đang được nâng cấp để phục vụ cho các loại xe máy, ngoài ra một tuyến đường khác cũng đang có kế hoạch xây dựng. Sự phát triển này sẽ làm tăng khả năng khai thác tài nguyên thiên nhiên bên trong khu đề xuất bảo vệ, đặc biệt là khai thác các loài cây gỗ có giá trị.

Vấn đề bảo tồn khác là việc xây dựng đập sông Đà tại tỉnh Sơn La làm phải di dời hàng ngàn hộ dân ra khỏi khu vực lũ lụt. Một số trong nhóm này có thể sẽ tái định cư tại các khu vực kế sát với khu đề xuất bảo vệ làm tăng áp lực lên tài nguyên thiên nhiên.

Các giá trị khác

Không có thông tin.

Các dự án có liên quan

Tổ chức FFI Chương trình Việt Nam và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái đang triển khai thực hiện Dự án *Bảo tồn trên cơ sở cộng đồng hệ sinh thái vùng núi Hoàng Liên* tại khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Mù Cang Chải. Đến nay, các hoạt động của dự án bao gồm các đợt khảo sát sinh học và dân sinh, tạo bước khởi đầu công tác bảo tồn dựa vào cộng đồng, nâng cao nhận thức bảo tồn và chuẩn bị xây dựng dự án khả thi thành lập khu bảo vệ.

Năm 2003, FFI - Chương trình Việt Nam phối hợp với Chi cục Kiểm lâm các tỉnh Yên Bái, Lào Cai và VQG Hoàng Liên khởi động dự án do Cộng đồng Châu Âu tài trợ nhằm thúc đẩy công tác bảo tồn tại vùng núi Hoàng Liên. Nhiều hoạt động của dự án này sẽ được triển khai tại khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Mù Cang Chải bao gồm quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở cộng đồng và phát triển, củng cố khu bảo vệ.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được tiến hành đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Khu vực chưa xây dựng được kế hoạch quản lý.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Mù Cang Chải hiện không phù hợp với các mục đích đầu tư của VCF do khu vực không có các biện pháp quản lý bảo tồn phù hợp.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	NH1- Vùng núi Hoàng Liên
A _{II}	VN018 - Chế Tạo
B _I	Đề xuất vào hệ thống rừng đặc dụng
B _{II}	Bảo tồn thiên nhiên
B _{III}	Thuộc sự quản lý của UBND tỉnh
C _I	
C _{II}	

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa có báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

Dang Thang Long (2002) Herpetile diversity survey of Che Tao commune, Mu Cang Chai district, Yen Bai province, Vietnam. Unpublished report to Fauna and Flora International Vietnam Programme.

Do Tuoc and Ngo Tu (1980) "Fauna of north-western Vietnam." Hanoi: North-west Territorial Survey Programme, National Science and Technology Commission. In Vietnamese.

Do Tuoc and Dang Thang Long (2002) Fauna of Che Tao proposed protected area, Mu Cang Chai district, Yen Bai province. Unpublished report to Fauna and Flora International Vietnam Programme.

FREC (2002a) Botanical survey report of Mu Cang Chai proposed species/habitat conservation area. Hanoi: Forest Resources and Environment Centre, Forest Inventory and Planning Institute.

FREC (2002b) An investment plan for Mu Cang Chai Species/Habitat Conservation Area. Hanoi: Forest Resources and Environment Centre, Forest Inventory and Planning Institute.

Geissmann T., Nguyen Xuan Dang, Lormôe, N. and Momberg, F. (2000) Vietnam primate conservation status review 2000, part 1: gibbons. Hanoi: Fauna and Flora International, Indochina Programme.

Hardcastle, J. E. and Mai Dang Khoa (2001) Black and white: community-based conservation initiatives to protect the Western Black Crested Gibbon by the white Hmong people of Che Tao forest. Unpublished report to Fauna and Flora International Vietnam Programme.

Le Trong Dat, Trinh Dinh Hoang, Tallents, L. A. and Luong Van Hao (2001) Report on the third survey for Western Black Crested Gibbon *Nomascus concolor* and other animals in Che Tao commune, Mu Cang Chai district, Yen Bai province. Unpublished report to Fauna and Flora International Vietnam Programme.

Long, B., Le Khac Quyet and Le Trong Dat (2000a) The mammalian and avian diversity of Che Tao commune (Mu Cang Chai district, Yen Bai province) with notes on the reptiles and amphibians. Unpublished report to Fauna and Flora International Vietnam Programme.

Long, B., Tallents, L. and Tran Dinh Nghia (2000b) The biological diversity of Che Tao commune, Yen Bai province, Vietnam. Unpublished report to the Fauna and Flora International Indochina Programme.

Nadler, T., Momberg, F. Nguyen Xuan Dang and Lormôe, N. (2003) Vietnam primate conservation status review 2002, part 2: leaf monkeys. Hanoi: Fauna and Flora International Vietnam Programme and Frankfurt Zoological Society.

Ngo Van Tri and Long, B. (2000) A survey of the Black Gibbon *Nomascus concolor* in Son La province, north Vietnam. Unpublished report to the Fauna and Flora International Indochina Programme.

Tallents, L. A., Le Trong Dat, La Quang Trung and Trinh Dinh Hoang (2000a) Survey for Western Black Crested Gibbon *Nomascus concolor*, Che Tao commune, Mu Cang Chai district, Yen Bai province. Unpublished report to the Fauna and Flora International Indochina Programme.

Tallents, L. A., Le Trong Dat, La Quang Trung and Trinh Dinh Hoang (2000b) Report on the second survey for Western Black Crested Gibbon in Che Tao forest. Unpublished report to the Fauna and Flora International Indochina Programme.

Tallents, L. A., Le Trong Dat, Luong Van Hao, La Quang Trung and Trinh Dinh Hoang (2001) A survey for Western Black Crested Gibbon in Nam Pam, Hua Trai and Ngoc Chien communes, Che Tao-Nam Pam forest. Unpublished report to the Fauna and Flora International Indochina Programme.

Tordoff, A. W. ed. (2002) Directory of important bird areas in Vietnam: key sites for conservation. Hanoi: BirdLife International in Indochina and the Institute of Ecology and Biological Resources.

Tordoff, A. W., Le Trong Dat and Hardcastle, J. (2001) A rapid biodiversity survey of Che Tao commune, Mu Cang Chai district, Yen Bai province, Vietnam. Unpublished report to the BirdLife

International Vietnam Programme and the Fauna and Flora International Indochina Programme.

Tran Dinh Nghia and Doan Hoai Nam (2000)
Floral characteristics, plant diversity and vegetation of Che Tao Commune and adjacent areas in Mu Cang Chai district, Yen Bai Province, Vietnam. Unpublished report to the Fauna and Flora International Indochina Programme.

